

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-PT

Ngày: 08 - 5 - 2020

V/v: "Tranh chấp đất đai theo quy
định của pháp luật về đất đai".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Lưỡng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tử Lượng

Ông Tạ Văn Vinh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Diệp, Thư ký viên, Tòa án nhân tỉnh
Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: Ông Tạ Đức Vọng,
Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLPT - DS ngày 02 tháng 01
năm 2020 về việc "Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS - ST ngày 27 tháng 11 năm
2019 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2020/QĐPT- DS
ngày 02 tháng 3 năm 2020; Thông báo tạm dừng phiên tòa do dịch Covid - 19
ngày 31 tháng 3 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa ngày 27
tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Anh Dương Văn H sinh năm 1979; chị Đinh Thị Đ sinh năm 1984.

Đăng ký hộ khẩu: Thôn H1, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện tại: Thôn S, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Quốc H2 sinh năm 1957;
địa chỉ: Thôn S, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền
(văn bản ủy quyền ngày 06/12/2019).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đinh Văn Th, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn S, xã Gi, huyện N,

tỉnh Ninh Bình.

2.2. Bà Đinh Thị X1 sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn S, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của bà X1: Ông Đinh Văn Th, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn S, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2019).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Trụ sở: Xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Đức N1, Chủ tịch UBND xã Gi.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T1, Phó Chủ tịch UBND xã Gi là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23/7/2019).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn, anh Dương Văn H sinh năm 1979; chị Đinh Thị Đ sinh năm 1984.

Tại phiên tòa có mặt: Anh H, ông H2, ông Th, ông T1. Vắng mặt: Chị Đ, bà X1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng anh H, chị Đ có quyền sử dụng 01 thửa đất tại Thôn S, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình có diện tích thửa đất vườn là 310 m² tại thửa số 57, tờ bản đồ 18, PL17 xã Gi. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Dương Văn H và Đinh Thị Đ thì kích thước cụ thể thửa đất: Phía Bắc giáp đường phân lô dài 15 m, phía Nam tiếp giáp đường phân lô dài 15 m, phía Đông tiếp giáp thửa 56 dài 20,7 m, phía Tây tiếp giáp thửa số 64 dài 20,7 m. Thửa đất này là do vợ chồng anh H nhận chuyển nhượng từ anh Đinh Thế H3 vào tháng 01/2019.

Vợ chồng ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị X1 là chủ sử dụng đất thửa đất 41 có vị trí tiếp giáp con đường phân lô phía Bắc của gia đình anh H, chị Đ. Gia đình ông Th, bà X1 đã sử dụng hết diện tích đường phân lô và lấn chiếm sang phần đất của anh H, chị Đ cạnh phía Đông là 1,8 m, cạnh phía Tây là 2,8 m. Tổng diện tích gia đình ông Th lấn sang đất gia đình anh H là 34.5 m². Anh H và chị Đ đã đề nghị UBND xã Gi, huyện N hòa giải xong không có kết quả. Vì vậy, anh H, chị Đ khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Th phải trả lại lối đi chung của các hộ dân mà ông Th đã lấn chiếm và trả lại diện tích ông Th đã lấn chiếm sang phần đất ở của nhà anh H, chị Đ là 34,5 m².

Tại văn bản ngày 08/6/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Đinh Văn Th trình bày:

Gia đình ông Th, bà X1 có quyền sử dụng diện tích 660 m² tại thửa 41 và 57 tờ bản đồ 18, PL17 xã Gi, được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/02/2003. Trong đó thửa 41 diện tích là 350 m² có 300m² đất ở và 50 m² đất vườn. Hiện nay gia đình ông Th đang sinh sống trên thửa đất này. Thửa 57 có diện tích 310 m² là đất vườn ông Th đã tặng cho anh H3 năm 2004 để anh H3 làm nhà. Thửa 57 có kích thước cụ thể: Phía Bắc giáp đường phân lô dài 15 m, phía Nam tiếp giáp đường phân lô dài 15 m, phía Đông tiếp giáp thửa 56 dài 20,7 m, phía Tây tiếp giáp thửa số 64 dài 20,7 m. Giữa thửa 41 và thửa 57 có con đường phân lô. Tháng 8/2018 anh H3 chuyển nhượng toàn bộ nhà và thửa đất số 57, tờ bản đồ 18, PL17 cho vợ chồng anh Dương Văn H, chị Đinh Thị Đ. Việc chuyển nhượng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, được cán bộ địa chính xã Gi và Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N thực hiện đo đạc, kiểm tra, cắm mốc giới cụ thể, kể cả việc cắm mốc giới phân lô con đường đi chung giữa các hộ dân là 4m. Quan điểm của ông Th là gia đình ông Th không lấn chiếm đất của anh H, chị Đ và không lấn chiếm sang con đường phân lô đi chung như ý kiến nguyên đơn, nên ông Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại văn bản số 58/BC-UB ngày 26/9/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, UBND xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình trình bày:

Thửa đất số 41 và 57 tờ bản đồ 18, PL17 thôn S, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình có nguồn gốc được UBND huyện N cấp cho ông Đinh Văn Th ngày 18/02/2003 cùng trong một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W542773. Thửa đất số 41, tờ bản đồ 18, PL17 có diện tích 350 m² trong đó đất ở là 300m² đất vườn là 50 m²; Thửa đất số 57 có diện tích 310 m² đất vườn. Quá trình sử dụng đất ông Th có tặng cho con trai là Đinh Thế H3 diện tích đất vườn là 310 m² tại thửa số 57 tờ bản đồ 18, PL17 theo hợp đồng tặng cho số 48 ngày 26/9/2014. Ngày 01/12/2014 anh Đinh Thế H3 đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 431154 mang tên Đinh Thế H3. Đến ngày 29/10/2018, anh Đinh Thế H3 đã chuyển nhượng thửa đất số 57 với diện tích 310 m² cho anh Dương Văn H, chị Đinh Thị Đ bằng hợp đồng chuyển nhượng số 61 và được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CG366470 ngày 08/01/2019 mang tên anh Dương Văn H và chị Đinh Thị Đ. Giữa hai thửa đất số 41 và thửa số 57, tờ bản đồ 18, PL17 có phần đường giao thông quy hoạch rộng 4m thuộc quyền quản lý của UBND xã Gi. Việc tranh chấp giữa hai gia đình ủy ban nhân dân xã Gi đã tiến hành hòa giải nhiều lần và có tổ chức triển khai đo đạc xác định ranh giới thực tế của diện tích hai thửa đất có tranh chấp. Tuy nhiên, gia đình anh H vẫn không nhất trí với kết quả hòa giải

tại xã và khởi kiện tại Tòa án.

Quan điểm của UBND xã Gi: Về căn cứ pháp lý và thực tế việc cấp giấy chứng nhận cho hai thửa đất số 41 và 57 tờ bản đồ 18, PL17 xã Gi là đúng trình tự thẩm quyền. Giữa hai thửa 41 và 57 có con đường phân lô rộng 4 m thuộc quyền quản lý của UBND xã Gi. Trên thực tế không có việc gia đình ông Th lấn chiếm sang đất nhà anh H. Đối với con đường đi chung hiện nay anh H xây tường gạch và ông Th có trồng rau trên đó.

UBND xã Gi khẳng định các tài liệu về bản đồ quy hoạch, quản lý nhà nước về đất đai là hoàn toàn chính xác, vì từ trước tới nay UBND xã Gi luôn sử dụng bản đồ 18, PL17 là bản đồ duy nhất trong quản lý đất đai tại địa bàn thôn S được UBND xã Gi, huyện N lập năm 1997. Đối với con đường đi chung (đường phân lô) giữa 2 thửa 41 và 57 tờ bản đồ số 18, PL17 rộng 4 m và con đường phía trước nhà ông H, bà Đ quy hoạch rộng 6 m thuộc quyền quản lý của UBND xã Gi, không thuộc diện tích đất của các hộ. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã Gi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đảm bảo sự nghiêm minh và ổn định trật tự thôn xóm cùng như đảm bảo quyền lợi cho UBND xã Gi.

Bản án số: 13/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

Căn cứ: Điều 5; Điều 147, Điều 155, Điều 158 , Điều 266, Điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 8, Điều 12, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 163, 169, 175, 176, 211 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc gia đình ông Đinh Văn Th phải trả lại diện tích đã lấn chiếm 34.5m² (với các chiều cạnh: phía Đông là 1,8m, cạnh phía Tây là 2,8m, chiều ngang là 15m).

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc gia đình ông Đinh Văn Th trả lại con đường đi chung giữa hai thửa 41 và 57 tờ bản đồ địa chính 18, PL17 xã Gi có chiều ngang 4m, cạnh phía Bắc con đường giáp thửa 41, cạnh phía Nam con đường giáp thửa 57, Phía Đông và phía Tây con đường bị các hộ hai bên xây công trình chắn thuộc quyền quản lý của UBND xã Gi. Buộc gia đình ông Đinh Văn Th phải tự thu hoạch toàn bộ các cây rau khoai lang đã trồng trên đó.

2. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá:

Anh Dương Văn H và chị Đinh Thị Đ phải chịu là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Anh H và chị Đ đã nộp đủ số tiền trên.

Ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị X1 phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền này anh H đã nộp nên ông Th phải có nghĩa vụ

hoàn trả cho anh Dương Văn H và chị Đinh Thị Đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Dương Văn H, chị Đinh Thị Đ phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Được trừ vào số tiền anh H, chị Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000170 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị X1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/12/2019, ông Đinh Quốc H2 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Dương Văn H chị Đinh Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do: Tòa án sơ thẩm thẩm định chưa minh bạch, khách quan, toàn diện; Thẩm định là giai đoạn quan trọng trong hoạt động tố tụng dân sự nhưng 2 Tòa án thẩm định không có bản đồ địa chính số 18, PL17 để đối chứng xem xét giữa bản đồ và thực địa. Ông H2 yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Bị đơn nhất trí với nội dung án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, Kiểm sát viên khẳng định bản án sơ thẩm có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Theo các tài liệu chứng cứ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N cung cấp: Trích lục Phụ lục 17, tờ bản đồ số 18, xã Gi,

huyện N lập năm 1997; trích lục bản đồ địa chính trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 48/CN được UBND xã Gi chứng thực ngày 26/9/2014; trích lục bản đồ địa chính trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 61/CN-QSDD được UBND xã Gi chứng thực ngày 12/12/2018 đã có đủ căn cứ khẳng định: Giữa 2 thửa đất số 41 và số 57 phụ lục 17 tờ bản đồ địa chính 18 xã Gi, huyện N lập năm 1997 là đường giao thông quy hoạch rộng 4m. Diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được các đương sự xác định tại vị trí quy hoạch là đường giao thông không thuộc quyền sử dụng của chủ sử dụng đất thửa 41 và 57 tại phụ lục 17, tờ bản đồ địa chính 18 xã Gi, huyện N lập năm 1997. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc gia đình ông Đinh Văn Th thu hoạch toàn bộ các cây trồng trên phần đất quy hoạch đường giao thông để trả lại con đường đi chung giữa hai thửa 41 và 57 phụ lục 17 tờ bản đồ địa chính 18 xã Gi là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Ông Đinh Quốc H2 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Dương Văn H chị Đinh Thị Đ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thẩm định không có bản đồ địa chính số 18, PL17 để đối chứng xem xét giữa bản đồ và thực địa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc thẩm định tại chỗ của cấp sơ thẩm là xem xét hiện trạng sử dụng đất có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Số liệu khảo sát thực tế theo phụ lục 17 tờ bản đồ địa chính 18 xã Gi cho thấy anh Dương Văn H chị Đinh Thị Đ đang sử dụng thửa số 57 với diện tích là 313,8m² có kích thước phía Bắc giáp đường (đang tranh chấp) dài 15,33m; phía Nam giáp đường thôn dài 15m; chiều dài phía Đông 20,70m, chiều dài phía Tây 20,70m. Giữa thửa 57 và thửa 41 tại phụ lục 17 tờ bản đồ địa chính 18 xã Gi là đường đi. Đối chiếu với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 61/CN-QSDD được UBND xã Gi chứng thực ngày 12/12/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh Dương Văn H chị Đinh Thị Đ thì thực tế anh Dương Văn H chị Đinh Thị Đ đang sử dụng diện tích đất nhiều hơn với diện tích được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 03,8 m². Theo quy định tại các Điều 100, 170 Luật đất đai năm 2013 người sử dụng đất có nghĩa vụ sử dụng đúng diện tích, ranh giới theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình anh H, chị Đ đang sử dụng nhiều hơn diện tích đất nhận chuyển nhượng. Vì vậy, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của gia đình anh H, chị Đ về việc buộc gia đình ông Đinh Văn Th, bà Đinh Thị X1 phải trả lại diện tích đã lấn chiếm 34.5 m² (với các chiều cạnh: phía Đông là 1,8m, cạnh phía Tây là 2,8m, chiều ngang là 15m) là có cơ sở. Do đó, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện N:

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Áp dụng: các Điều 90, 99, 100, 166, 167, 170 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 163, Điều 164, Điều 169, Điều 175 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc gia đình ông Đinh Văn Th phải trả lại diện tích đã lấn chiếm 34.5m² (với các chiều cạnh: phía Đông là 1,8m, cạnh phía Tây là 2,8m, chiều ngang là 15m).

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc gia đình ông Đinh Văn Th trả lại phần diện tích đất là đường đi chung giữa hai thửa đất 41 và 57 theo tờ bản đồ địa chính 18, PL17 xã Gi, huyện N lập năm 1997 có cạnh phía Bắc con đường giáp thửa 41, cạnh phía Nam con đường giáp thửa 57, chiều rộng phía Đông và phía Tây con đường là 04 m. Buộc gia đình ông Đinh Văn Th phải tự thu hoạch toàn bộ các cây cối hoa màu trên diện tích đất đã quy hoạch là đường đi chung.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Anh Dương Văn H và chị Đinh Thị Đ phải chịu là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà anh H và chị Đ đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị X1 phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản anh H, chị Đ đã nộp nên ông Th, bà X1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Dương Văn H và chị Đinh Thị Đ số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Dương Văn H, chị Đinh Thị Đ phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền anh H, chị Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000170 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện N. Anh H, chị Đ đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị X1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Dương Văn H, chị Đinh Thị Đ phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền ông Đinh Quốc H2 đã nộp đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000390 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Anh H, chị Đ đã nộp đủ số tiền án phí dân sự phúc thẩm.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (08/5/2020).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (2);
- Phòng KTNV-THA (1)
- Chi cục THA huyện N (1);
- TAND huyện N (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu VP, tòa DS (2)

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Huy Lương